



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

5403000048
1500482064

ngày 29 tháng 3 năm 2007
ngày 14 tháng 8 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1500482064 ngày 14 tháng 8 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Phạm Thị Hồng Hạnh
Ông Lê Hồng Xanh
Ông Nguyễn Văn Đồi
Ông Lâm Du An
Ông Phạm Hồng Minh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Đinh Việt Anh
Ông Phạm Đình Hùng
Bà Nguyễn Thị Phương Uyên

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Duy Phong
Ông Cao Phạm Trường

Giám đốc
Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Ấp Tân Vĩnh Thuận, Xã Tân Ngãi
Thành phố Vĩnh Long
Tỉnh Vĩnh Long
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Duy Phong
Giám đốc

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Phạm Thị Hồng Hạnh
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Địa Sài Gòn - Vĩnh Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 8 tháng 2 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00781-19-1



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		87.339.288.571	51.752.759.226
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	337.285.981	1.515.725.467
Tiền	111		272.421.514	1.128.679.881
Các khoản tương đương tiền	112		64.864.467	387.045.586
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		342.550.949	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	342.550.949	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.285.384.323	10.410.837.248
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	42.415.730.050	8.949.297.258
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		641.675.829	1.405.514.990
Phải thu ngắn hạn khác	136		227.978.444	56.025.000
Hàng tồn kho	140	8	43.144.938.902	39.807.456.843
Tài sản ngắn hạn khác	150		229.128.416	18.739.668
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		225.336.299	-
Thuế phải thu Nhà nước	153		3.792.117	18.739.668
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		528.778.320.697	511.009.442.280
Các khoản phải thu dài hạn	210		17.422.500	-
Phải thu dài hạn khác	216		17.422.500	-
Tài sản cố định	220		515.199.322.273	470.702.611.773
Tài sản cố định hữu hình	221	9	515.199.322.273	470.702.611.773
Nguyên giá	222		706.187.537.491	616.805.341.123
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(190.988.215.218)	(146.102.729.350)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.718.949.049	38.806.830.507
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	6.718.949.049	38.806.830.507
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	1.500.000.000	1.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		5.342.626.875	-
Chi phí trả trước dài hạn	261		5.342.626.875	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		616.117.609.268	562.762.201.506

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		376.939.825.591	320.913.795.244
Nợ ngắn hạn	310		246.539.825.591	170.913.795.244
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	19.734.663.772	39.153.353.846
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.676.451.369	2.195.817.375
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12	80.761.633.892	81.287.397.109
Phải trả người lao động	314		8.845.561.582	5.475.615.827
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	9.573.924.730	4.351.805.909
Phải trả ngắn hạn khác	319		1.350.813.463	548.750.000
Vay ngắn hạn	320	14(a)	115.771.600.000	36.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15	3.825.176.783	1.401.055.178
Nợ dài hạn	330		130.400.000.000	150.000.000.000
Vay dài hạn	338	14(b)	130.400.000.000	150.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		239.177.783.677	241.848.406.262
Vốn chủ sở hữu	410	16	239.177.783.677	241.848.406.262
Vốn cổ phần	411	17	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	19	15.050.956.749	15.050.956.749
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		74.126.826.928	76.797.449.513
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		31.797.449.513	18.636.946.063
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		42.329.377.415	58.160.503.450
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		616.117.609.268	562.762.201.506

Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Văn Doanh
Kế toán Trưởng



Nguyễn Duy Phong
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

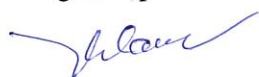
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng	01	21	734.936.994.495	586.924.139.356
Giá vốn hàng bán	11	22	598.620.483.413	472.666.337.613
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		136.316.511.082	114.257.801.743
Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.012.136.562	426.369.221
Chi phí tài chính	22	23	16.809.666.495	17.753.390.535
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.862.276.253	16.813.486.469
Chi phí bán hàng	25		2.092.755.195	3.100.654.877
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	27.192.542.095	24.659.384.992
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		91.233.683.859	69.170.740.560
Chi phí khác	32		-	18.650.001
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = - 32)	40		-	(18.650.001)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		91.233.683.859	69.152.090.559
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	18.624.154.839	7.130.952.982
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		72.609.529.020	62.021.137.577
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	4.322	3.877

Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Doanh
Kế toán Trưởng



Nguyễn Duy Phong
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		91.233.683.859	69.152.090.559
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		44.885.485.868	39.797.952.824
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		42.571.099	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(109.290.824)	(400.899.882)
Chi phí lãi vay	06		15.862.276.253	16.813.486.469
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		151.914.726.255	125.362.629.970
Biến động các khoản phải thu	09		(32.919.563.248)	897.153.069
Biến động hàng tồn kho	10		(3.337.482.059)	9.255.663.143
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(9.126.679.533)	(98.052.377.641)
Biến động chi phí trả trước	12		(5.567.963.174)	25.955.692.176
			100.963.038.241	63.418.760.717
Tiền lãi vay đã trả	14		(16.081.039.621)	(17.089.267.348)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.989.353.196)	(8.156.611.623)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.356.030.000)	(5.511.501.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		63.536.615.424	32.661.380.496
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(57.294.314.910)	(15.825.820.158)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	25		(342.550.949)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		109.290.824	400.899.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(57.527.575.035)	(15.424.920.276)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		704.066.283.478	590.313.316.332
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(644.394.683.478)	(633.823.316.332)
Tiền chi trả cổ tức	36		(66.859.050.000)	(37.381.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.187.450.000)	(80.891.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1.178.409.611)	(63.654.789.780)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.515.725.467	65.170.515.247
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(29.875)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	337.285.981	1.515.725.467

Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Doanh
Kế toán Trưởng



Nguyễn Duy Phong
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; mua bán vật tư, nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh du lịch, nhà hàng, khách sạn; và cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 132 nhân viên (1/1/2018: 143 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 159.201 triệu VND (1/1/2018: 119.161 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 14). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	5 năm

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và tương đối chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Các bộ phận chia theo vùng địa lý của Công ty được phân biệt dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Bộ phận chia theo vùng địa lý		
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Tổng VND
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Doanh thu	709.934.771.101	25.002.223.394	734.936.994.495
Giá vốn hàng bán	(579.482.647.188)	(19.137.836.225)	(598.620.483.413)
	130.452.123.913	5.864.387.169	136.316.511.082
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Doanh thu	572.783.975.887	14.140.163.469	586.924.139.356
Giá vốn hàng bán	(462.919.973.179)	(9.746.364.434)	(472.666.337.613)
	109.864.002.708	4.393.799.035	114.257.801.743

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	12.870.100	69.400.200
Tiền gửi ngân hàng	259.551.414	1.059.279.681
Các khoản tương đương tiền	64.864.467	387.045.586
	337.285.981	1.515.725.467

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 4,6% một năm (1/1/2018: 4,8% một năm).

6. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày gửi. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 5,3% một năm (1/1/2018: 5,3%).

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2018 và 1/1/2018		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn – Vĩnh Long	150.000	25%	1.500.000.000	(*)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	42.224.298.050	8.908.347.338
Các khách hàng khác	191.432.000	40.949.920
	42.415.730.050	8.949.297.258

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Kho vận Bia Sài Gòn – Vĩnh Long	-	2.730.000
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	42.224.298.050	8.908.347.338
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang	-	24.948.000
	-	24.948.000

Khoản phải thu từ công ty liên kết và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	324.800.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	19.997.256.252	-	19.712.036.806	-
Công cụ và dụng cụ	118.548.537	-	99.930.114	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.728.278.594	-	10.849.057.297	-
Thành phẩm	7.976.055.519	-	9.146.432.626	-
	43.144.938.902	-	39.807.456.843	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số cứ đầu năm	198.358.039.222	413.863.403.719	4.186.654.546	220.243.636	177.000.000	616.805.341.123
Tăng trong năm	-	5.432.954.174	-	96.760.000	-	5.529.714.174
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	112.742.000	83.739.740.194	-	-	-	83.852.482.194
Phân loại lại	-	(495.000.000)	495.000.000	-	-	-
Số cứ cuối năm	198.470.781.222	502.541.098.087	4.681.654.546	317.003.636	177.000.000	706.187.537.491
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số cứ đầu năm	37.208.643.052	106.006.278.180	2.712.387.994	104.620.124	70.800.000	146.102.729.350
Khấu hao trong năm	10.361.803.433	33.740.916.726	697.896.420	49.469.289	35.400.000	44.885.485.868
Số cứ cuối năm	47.570.446.485	139.747.194.906	3.410.284.414	154.089.413	106.200.000	190.988.215.218
Giá trị còn lại						
Số cứ đầu năm	161.149.396.170	307.857.125.539	1.474.266.552	115.623.512	106.200.000	470.702.611.773
Số cứ cuối năm	150.900.334.737	362.793.903.181	1.271.370.132	162.914.223	70.800.000	515.199.322.273

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 515.199 triệu VND (1/1/2018: 470.703 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	38.806.830.507	4.678.644.973
Tăng trong năm	51.764.600.736	34.128.185.534
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(83.852.482.194)	-
Số dư cuối năm	6.718.949.049	38.806.830.507
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Hệ thống chiết	-	34.128.185.534
Các công trình khác	6.718.949.049	4.678.644.973
	6.718.949.049	38.806.830.507

11. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/số có khả năng trả nợ 31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	7.688.071.008	4.420.972.066
Krones AG	-	28.070.791.056
Các nhà cung cấp khác	12.046.592.764	6.661.590.724
	19.734.663.772	39.153.353.846

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	7.688.071.008	4.420.972.066
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	828.222.747	834.209.383
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	354.855.100	354.855.100

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

12. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018	Số phát sinh	Số đã nộp/cần	31/12/2018
	VND	trong năm	trừ trong năm	VND
		VND	VND	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	69.884.032.812	636.878.891.462	(638.016.467.808)	68.746.456.466
Thuế giá trị gia tăng	10.161.974.845	134.321.760.066	(136.271.683.743)	8.212.051.168
Thuế thu nhập doanh nghiệp	913.338.962	18.624.154.839	(15.989.353.196)	3.548.140.605
Thuế thu nhập cá nhân	291.511.170	4.288.812.578	(4.360.043.171)	220.280.577
Thuế tài nguyên	36.539.320	2.521.390.752	(2.523.224.996)	34.705.076
	81.287.397.109	796.635.009.697	(797.160.772.914)	80.761.633.892

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.208.102.308	1.426.865.676
Chi phí đào tạo và nghiên cứu thị trường	1.600.000.000	2.000.000.000
Chi phí phải trả khác	6.765.822.422	924.940.233
	9.573.924.730	4.351.805.909

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018	Biến động trong năm		31/12/2018
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	36.500.000.000	647.604.699.804	(580.394.699.804)	103.710.000.000
Vay dài hạn đến hạn phải trả	-	12.061.600.000	-	12.061.600.000
	36.500.000.000	659.666.299.804	(580.394.699.804)	115.771.600.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018	1/1/2018
			VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	5,5% - 7%	103.710.000.00	36.500.000.000

Khoản vay ngắn hạn có hạn mức tín dụng là 150.000 triệu VND và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay như được trình bày tại Thuyết minh 14(b).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Vay dài hạn
 Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng

31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
142.461.600.000	150.000.000.000
(12.061.600.000)	-
130.400.000.000	150.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4

Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
VND	8,8%	2019 - 2021	90.000.000.000	150.000.000.000
VND	7,5%	2023	52.461.600.000	-
			142.461.600.000	150.000.000.000

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 515.199 triệu VND (1/1/2018: 470.703 triệu VND) (Thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	1.401.055.178	3.051.922.301
Trích lập trong năm (Thuyết minh 16)	7.780.151.605	3.860.634.127
Sử dụng trong năm	(5.356.030.000)	(5.511.501.250)
Số dư cuối năm	3.825.176.783	1.401.055.178

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

Lợi nhuận thuần trong năm
Trích quỹ đầu tư phát triển
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)
Cổ tức (Thuyết minh 18)

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018

Lợi nhuận thuần trong năm
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)
Cổ tức (Thuyết minh 18)

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
150.000.000.000	6.497.636.131	64.690.266.681	221.187.902.812
-	-	62.021.137.577	62.021.137.577
-	8.553.320.618	(8.553.320.618)	-
-	-	(3.860.634.127)	(3.860.634.127)
-	-	(37.500.000.000)	(37.500.000.000)
150.000.000.000	15.050.956.749	76.797.449.513	241.848.406.262
-	-	72.609.529.020	72.609.529.020
-	-	(7.780.151.605)	(7.780.151.605)
-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
150.000.000.000	15.050.956.749	74.126.826.923	239.177.783.677

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018 và 1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

18. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 45.000 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 (2017: 37.500 triệu VND, tương đương 2.500 VND/cổ phiếu).

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty cũng đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức cho các cổ đông là 22.500 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018.

19. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.684.535.746	5.239.719.559
Từ hai đến năm năm	8.148.627.129	9.597.143.079
Sau năm năm	69.433.467.496	71.464.336.607
	81.266.630.371	86.301.199.245

(b) Ngoại tệ

	31/12/2018	1/1/2018
	Nguyên tệ	Nguyên tệ
	Tương đương VND	Tương đương VND
USD	196 4.536.474	282 6.388.859

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.398.629.388	2.947.126.824
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	419.568.830	-
	2.818.198.218	2.947.126.824

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	729.293.350.386	581.867.922.468
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>1.366.172.241.848</i>	<i>1.099.185.749.864</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>636.878.891.462</i>	<i>517.317.827.396</i>
▪ Bán phế liệu	82.688.000	123.764.500
▪ Doanh thu khác	5.560.956.109	4.932.452.388
	734.936.994.495	586.924.139.356

22. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Thành phẩm đã bán	598.620.483.413	472.666.337.613

23. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	15.862.276.253	16.813.486.469
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	904.819.143	939.904.066
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	42.571.099	-
	16.809.666.495	17.753.390.535

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	12.112.567.488	9.727.274.648
Chi phí khấu hao	1.629.649.897	2.189.034.424
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.370.799.855	5.220.319.755
Chi phí quản lý khác	8.079.524.855	7.522.756.165
	27.192.542.095	24.659.384.992

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	466.745.771.686	365.189.127.493
Chi phí nhân công và nhân viên	41.151.611.302	32.527.131.005
Chi phí khấu hao	44.885.485.868	39.797.952.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.480.246.883	46.036.333.155
Chi phí khác	26.490.427.817	16.673.414.605

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

26. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	18.624.154.839	7.130.952.982

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	91.233.683.859	69.152.090.559
Thuế theo thuế suất của Công ty	18.246.736.772	13.830.418.112
Chi phí không được khấu trừ thuế	392.005.975	431.487.852
Ưu đãi thuế	-	(7.130.952.982)
Thu nhập không bị tính thuế	(14.587.908)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	18.624.154.839	7.130.952.982

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 54121000019 ngày 13 tháng 2 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập thông thường. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2014 đến năm 2015) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo (năm 2016 đến năm 2017) theo Khoản 1, Điều 35 của Nghị định số 24/2207/NĐ-CP của Chính phủ.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	72.609.529.020	62.021.137.577
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.780.151.605)	(3.860.634.127)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	64.829.377.415	58.160.503.450

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 15.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2018 VND	2017 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.340.883.769.030	1.099.241.068.520
Mua nguyên vật liệu	407.680.197.550	298.688.726.092
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua bao bì luân chuyển	8.499.315.760	1.923.636.000
Phí sử dụng vỏ chai	1.518.475.224	1.576.109.383
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Mua nguyên vật liệu	9.408.082.996	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa be co		
Mua dịch vụ	661.789.205	-
Công ty Cổ phần Kho Vận Bia Sài Gòn Vĩnh Long		
Cổ tức	72.939.539	118.660.581
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao, lương và thưởng	8.675.621.200	7.738.435.000

29. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Tâm
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Văn Doanh
Kế toán Trưởng



Nguyễn Duy Phong
Giám đốc

